TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông La Thế Thanh, Vũ Văn Học

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Vũ Hữu Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*: Ông Dương Đức Thiên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023; Quyết đinh hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm: 1983. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Triệu Phúc L, sinh năm: 1977. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị và anh Triệu Phúc L quen biết nhau từ năm 2002, sau hơn một tháng tìm hiểu đã xác định lấy nhau thành vợ chồng, được bố mẹ hai bên tổ chức ăn hỏi và đám cưới theo phong tục địa phương và đề nghị UBND xã Q, huyện Q đăng ký kết hôn ngày 11/01/2003 theo quy định. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh Long chung sống, làm ăn và đã sinh được 02 con chung. Tuy nhiên khi chung sống vợ chồng đã không thực sự hạnh phúc bởi vì khi lấy nhau không có thời gian tìm hiểu nhiều, một phần do bố mẹ tác động, sau khi đám cưới được 03 tháng, anh Long bắt đầu thường xuyên uống rượu, cờ bạc, không tu chí làm ăn. Những lúc say rượu hoặc thua bạc thì xảy ra đánh chửi chị, trầm trọng nhất vào năm 2012 do cờ bạc phải bán hết tài sản, ruộng đất. Vì vậy chị đã bỏ về nhà ngoại ở xã T, huyện

V sinh sống từ năm 2013 và đi làm thuê cho đến nay, vợ chồng ly thân đã được 10 năm. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài không thể hàn gắn được chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là: Triệu Thị T, sinh ngày 27/01/2006 và Triệu Duy T, sinh ngày 06/7/2008. Hiện nay các cháu có nguyện vọng ở với anh L nên chị nhất trí giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị cho biết khi ở cùng nhau vợ chồng không vay ngân hàng, không có nợ nần ai. Khi chị không ở với anh L nữa thì anh L đã xây nhà để ở tại thôn T, xã Q đến nay chưa xong, nếu có nợ là do anh L tự vay để sử dụng, chị không liên quan.

Về án phí: Chị H nhất trí chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình giải quyết anh Triệu Phúc L không đến Tòa án trình bày, tuy nhiên quá trình thu nhập chứng cứ tại nơi cư trú và người thân của anh L đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về kinh tế gia đình, không còn tin tưởng nhau tình cảm, từ đó đã sống ly thân 10 năm nay, không còn tình nghĩa vợ chồng dẫn đến chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại giải đoạn giải quyết và tại phiên tòa anh Triệu Phúc L đều vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng qui định của pháp luật

Về yêu cầu khởi kiện: Xét thấy chị H và anh L có đăng ký kết hôn theo quy định, sau thời gian chung sống anh L, chị H mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay cả hai đã sống ly thân, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Quốc Hội để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn và giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Triệu Phúc L, có địa: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang. Tại

phiên toà hôm nay anh L vắng mặt lần 2 không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Đặng Thị H và anh Triệu Phúc L lấy nhau từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh L và có 02 con chung, tuy nhiên quá trình chung sống có nhiều bất đồng, cuộc sống vợ chồng thiếu sự tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ nhau, hai bên không có trách nhiệm cùng nhau để xây gia đình. Từ năm 2013 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình nghĩa vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án anh L không thể hiện quan điểm, vắng mặt không lý do dẫn đến Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và đã có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, sống ly thân nhiều năm nay. Như vậy, chị H yêu cầu xin ly hôn với anh L là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Triệu Phúc L.

[4] Về con chung: Chị Đặng Thị H và anh Triệu Phúc L có 02 con chung tên là: Triệu Thị Tr; sinh ngày 27/01/2006 và Triệu Duy T, sinh ngày 06/7/2008. Xét thấy, từ khi vợ chồng không chung sống cùng nhau, các con chung vẫn ở bên nội, anh L và gia đình chăm sóc, hiện nay nguyện vọng của 02 con chung đều muốn được ở với bố, chị H chưa có nơi ở ổn định. Vì vậy cần giao 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Triệu Phúc L.

- Về con chung: Giao cho anh Triệu Phúc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Thị T, giới tính: Nữ, sinh ngày 27/01/2006 và Triệu Duy T, giới tính: Nam, sinh ngày 06/7/2008 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình.

- Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q ngày 18/4/2023 theo Biên lai số 51BB-21P 0004542. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Đặng Thị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Triệu Phúc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện.Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Danh Nhân